

Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam

Nguyễn Duy Quý^(*)

Tóm tắt: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định quyết tâm tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoạt động trên cơ sở pháp luật với một nền pháp chế dân chủ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và sự phát triển toàn diện con người Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc tuân thủ nguyên tắc pháp quyền trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN tiếp tục được tái khẳng định trong Hiến pháp 2013. Bài viết góp phần làm rõ thêm những yêu cầu trong thực tiễn đổi mới và hoàn thiện bộ máy nhà nước theo nguyên tắc pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước pháp quyền XHCN

I. Tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong lịch sử

Trong lịch sử Việt Nam cũng đã có những tư tưởng và hoạt động đề cao vai trò của pháp luật, đặc biệt là giai đoạn lịch sử từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XVIII. Thời kỳ Lý - Trần (thế kỷ XII - XIV), các đời vua đã dùng pháp luật để trị nước. Thí dụ, năm 1340, Trần Dụ Tông đã sai Nguyễn Trung Ngạn và Trương Hán Siêu cùng soạn Hình thư gồm một quyển để ban hành. Rất đáng tiếc, hiện nay bộ Hình thư này không còn nữa. Các nhà sử học đã nghiên cứu các nguồn sử liệu để có thể phần nào biết về nội

dung của văn bản pháp luật này. Sang thế kỷ XV, việc ban hành pháp luật được xúc tiến mạnh nhất so với bất cứ thời kỳ lịch sử nào trước đó. Điều đó thể hiện các triều vua phong kiến Việt Nam trong thời gian này rất quan tâm tới pháp luật. Thời Lê sơ đã để lại cho chúng ta nhiều công trình, văn bản luật đã được pháp điển hóa. Đó là Quốc triều hình luật gồm 6 quyển (do Nguyễn Trãi biên soạn vào những năm 1440-1442), Quốc triều luật lệnh gồm 6 quyển (do Phan Phù Tiên biên soạn vào những năm 1440-1442).

Quốc triều hình luật là bộ luật quan trọng và chính thống. Bộ luật này được

^(*) GS.TS., Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

ban hành vào thời Lê Thánh Tông niên hiệu Hồng Đức nên còn được gọi là Bộ luật Hồng Đức.

Tư tưởng pháp trị của Triều Lê đã rõ. Tuy nhiên, việc dùng pháp luật để quản lý xã hội không thể tránh khỏi những hạn chế về quan điểm, về sự công bằng, về tính khách quan của pháp luật. Và rõ ràng, mặc dù có pháp luật nhưng chưa thể nói rằng thời bấy giờ đã có tư tưởng nhà nước pháp quyền.

Sau này, vào giữa thế kỷ XIX, lịch sử Việt Nam có một nhân vật theo chủ nghĩa cách tân, ủng hộ quan điểm pháp trị và ở chừng mực nhất định đã có suy nghĩ về tính khách quan của pháp luật, về sự bình đẳng của mọi người kể cả vua, trước pháp luật. Người đó là Nguyễn Trường Tộ (1830-1871). Ông cho rằng: nói đến phép trị nước tức là phải nói đến dùng pháp luật để duy trì trật tự. Pháp luật, theo Nguyễn Trường Tộ, là phải hợp với lòng người, lòng trời. Muốn vậy, pháp luật không nên cưỡng ép mà phải xét những yếu tố trọng tâm, tức là được xây dựng trên cơ sở tự do và công bằng. Theo ông, luật được ban hành thì phải được mọi người chấp hành, mọi người đều bị ràng buộc bởi pháp luật, kể cả những người đã ban hành luật. Ông ủng hộ chủ nghĩa cách tân và cho rằng: muốn cách tân phải có những con người cách tân. Ông cũng cho rằng: kẻ làm Vua biết rõ cái điều trời phó thác cho mình là nặng nề, mọi phúc của dân đều do trách nhiệm của Vua cho nên tự dân phải khép mình vào vòng pháp luật.

Như vậy, có thể nói rằng, tư tưởng cách tân, quan điểm ủng hộ thuyết pháp trị của Nguyễn Trường Tộ ở mức độ nhất định đã có những dấu hiệu của tư tưởng về nhà nước pháp quyền.

Tiền đề tư tưởng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tìm hiểu các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những lời dạy của Người và qua thực tiễn tổ chức, hoạt động của Nhà nước ta dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Người, chúng ta thấy rõ một hệ quan điểm hoàn chỉnh trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Ngay từ trong yêu sách gửi Hội nghị Versailles năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã yêu cầu cải cách nền công lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những bảo đảm về mặt pháp luật như người châu Âu. Như vậy, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã yêu cầu: thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật. Người nói “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”.

II. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đại hội Đảng lần thứ X và Đại hội Đảng lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: Đẩy nhanh công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trên các mặt: hệ thống thể chế, chức năng, nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức; phương thức hoạt động.

Cụ thể hơn, chủ trương xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN đã được Đảng ta khẳng định tại Đại hội X là: “Xây dựng cơ chế vận hành của nhà nước pháp quyền XHCN, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống

pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong văn bản hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, tr.126). Như vậy, ở đây chúng ta vẫn dễ dàng nhận thấy rằng, tính pháp chế là đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền và bản chất của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân của Nhà nước pháp quyền XHCN. Việc Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng cơ chế phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp để bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, chính là dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Marx-Lenin về nhà nước và pháp luật.

Chủ trương đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam với những đặc trưng cơ bản nêu trên vẫn tiếp tục được khẳng định tại Đại hội XI của Đảng, trong đó Đảng ta đặc biệt chú ý đến việc “nâng cao năng lực quản lý và điều hành của nhà nước theo pháp luật, tăng cường pháp chế XHCN và kỷ luật, kỷ cương” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.247).

1. Về phương diện lý luận, các nhà khoa học đã đi tới một số khẳng định quan trọng: nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước, nhà nước pháp quyền là giá trị phổ biến, là biểu hiện của trình độ phát triển dân chủ.

Trong ý nghĩa này, nhà nước pháp quyền được nhìn nhận như một cách tổ chức nền dân chủ, cách thức tổ chức nhà nước và xã hội trên nền tảng dân chủ, các giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền được trình bày dưới các dạng thức khác nhau bởi các nhà lý luận, phụ thuộc vào lập trường chính trị - pháp lý

và quan điểm học thuật của từng người, cách trình bày có thể khác nhau, nhưng về thực chất đều nhấn mạnh các giá trị sau đây:

- Nhà nước pháp quyền là biểu hiện tập trung của chế độ dân chủ. Như vậy, dân chủ vừa là bản chất của nhà nước pháp quyền; vừa là điều kiện, là tiền đề của việc xây dựng nhà nước pháp quyền.

- Bộ máy nhà nước pháp quyền được tổ chức và vận hành trên cơ sở các nguyên tắc tổ chức quyền lực một cách dân chủ.

- Một chế độ tư pháp thật sự dân chủ, cơ quan xét xử chỉ tuân theo pháp luật với một chế độ tố tụng công khai, dân chủ.

Sự phủ nhận quan điểm xem nhà nước pháp quyền như một kiểu nhà nước có ý nghĩa nhận thức luận quan trọng trong việc nhìn nhận đúng bản chất của nhà nước pháp quyền. Ý nghĩa nhận thức này là bao hàm các khía cạnh sau:

- Chỉ từ khi xuất hiện dân chủ tư sản, mới có cơ hội và điều kiện để xuất hiện nhà nước pháp quyền. Do vậy, trên thực tế, nhà nước pháp quyền tư sản đang được xây dựng ở hầu hết các nước tư bản phát triển và đang phát triển.

- Nhà nước pháp quyền với tính chất là cách thức tổ chức và vận hành của một chế độ nhà nước và xã hội, không những được xây dựng ở chế độ tư bản mà còn được xây dựng ở chế độ XHCN. Như vậy, trong nhận thức lý luận cũng như trong thực tiễn, có nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền XHCN.

- Ngoài các giá trị phổ biến, nhà nước pháp quyền còn bao hàm các giá trị đặc thù. Tính đặc thù của nhà nước pháp quyền được xác định bởi nhiều yếu

tố. Các yếu tố này về thực chất là rất đa dạng, phong phú và rất phức tạp, được xác định bởi các điều kiện lịch sử, kinh tế, văn hóa, tâm lý xã hội và môi trường địa lý của mỗi quốc gia dân tộc. Với ý nghĩa này, nhà nước pháp quyền là một phạm trù vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù, vừa là giá trị chung của nhân loại, vừa là giá trị riêng của mỗi dân tộc, quốc gia. Do vậy, không thể có một nhà nước pháp quyền như một mô hình chung thống nhất cho mọi quốc gia, dân tộc. Mỗi quốc gia, dân tộc, tùy thuộc vào các đặc điểm lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội và trình độ phát triển mà xây dựng cho mình một mô hình nhà nước pháp quyền thích hợp.

2. Đối với Việt Nam, vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền đang được đặt ra như một tất yếu lịch sử và tất yếu khách quan.

Tính tất yếu lịch sử của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam bắt nguồn từ chính lịch sử xây dựng và phát triển của Nhà nước ta. Ngay từ khi thành lập và trong quá trình phát triển, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã và luôn là một nhà nước hợp hiến, hợp pháp. Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở các quy định của Hiến pháp và pháp luật và luôn vận hành trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Các đạo luật tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và các đạo luật về chính quyền địa phương được xây dựng trên cơ sở Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp sửa đổi năm 1959, năm 1980, năm 1992 và năm 2013.

Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xuất phát từ định hướng XHCN với mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền

với chủ nghĩa xã hội, nhằm xây dựng một chế độ xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Chúng ta ý thức sâu sắc rằng, để xây dựng được một chế độ xã hội có tính mục tiêu như vậy, công cụ, phương tiện cơ bản chỉ có thể là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và một nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tính tất yếu khách quan ấy còn xuất phát từ đặc điểm của thời đại với xu thế toàn cầu hóa, nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là một nhà nước vừa phải thể hiện được các giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền, vừa khẳng định được bản sắc đặc thù của riêng mình.

Sự khác nhau cơ bản giữa nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền XHCN nói chung, trong đó có Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam nói riêng, có thể khái quát trên các nét chính sau:

Một là, cơ sở kinh tế của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tính định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường không phủ nhận các quy luật khách quan của thị trường, mà là cơ sở để xác định sự khác nhau giữa kinh tế thị trường trong CNTB và kinh tế thị trường trong CNXH.

Hai là, cơ sở xã hội của Nhà nước pháp quyền XHCN là khối đại đoàn kết dân tộc, nhà nước pháp quyền có được cơ sở xã hội rộng lớn và khả năng to lớn trong việc tập hợp, tổ chức các tầng lớp nhân dân thực hành và phát huy dân chủ.

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN tuy không loại bỏ được sự phân tầng xã hội theo hướng phân hóa giàu nghèo, nhưng có khả năng xử lý tốt hơn công bằng xã hội. Những mâu thuẫn xã hội phát sinh trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường do được điều tiết thông qua pháp luật, chính sách và các công cụ khác của nhà nước nên ít có nguy cơ trở thành các mâu thuẫn đối kháng và tạo ra các xung đột có tính chất chia rẽ xã hội. Đây là một trong những điều kiện đảm bảo ổn định chính trị, đoàn kết các lực lượng xã hội vì các mục tiêu chung của sự phát triển.

Tính nhất nguyên chính trị và sự lãnh đạo của một Đảng duy nhất cầm quyền tạo khả năng đồng thuận xã hội, tăng cường khả năng hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa các giai tầng, các cộng đồng dân cư và các dân tộc. Nhờ vậy, Nhà nước pháp quyền XHCN có sự ủng hộ rộng rãi từ phía xã hội, nguồn sức mạnh từ sự đoàn kết toàn dân, phát huy được sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân trong việc nâng cao quyền làm chủ của nhân dân.

4. Những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

Một là, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Hai là, quyền lực của Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Ba là, Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bốn là, nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

Năm là, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam tôn trọng và thực hiện đầy đủ các công ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Sáu là, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam được tổ chức và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

5. Đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước theo yêu cầu của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

a) Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo hướng nâng cao chất lượng, thực hiện tốt chức năng lập pháp và giám sát tối cao.

Hiến pháp bổ sung, sửa đổi năm 2013 đã xác định, Quốc hội nước ta là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất với 3 chức năng: lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước và giám sát tối cao.

Cần đổi mới nhận thức về vị trí, vai trò của Quốc hội trong tổng thể bộ máy nhà nước, theo đó Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, nhưng không phải toàn bộ quyền lực của Nhà nước đều thuộc về Quốc hội. Vấn đề đặt ra là cần phải xây dựng được một Quốc hội thực quyền chứ không phải là Quốc hội toàn quyền.

Đối với chức năng lập hiến và lập pháp, cần quán triệt nguyên tắc hiến định: Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Để đảm bảo quyền này của Quốc hội, cần nghiên cứu

hạn chế quyền ban hành pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiến tới quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội không ban hành pháp lệnh, đồng thời phân định rõ thẩm quyền lập pháp của Quốc hội với thẩm quyền lập quy của Chính phủ, từng bước hạn chế ủy quyền lập pháp.

Đối với việc thực hiện quyền giám sát tối cao của Quốc hội, vấn đề thiết thực và quan trọng nhất là hiệu quả của sự giám sát thông qua cơ chế xử lý kết quả giám sát của Quốc hội, bảo đảm các kết luận giám sát của Quốc hội phải được tôn trọng và thực hiện nghiêm túc bởi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Để tạo lập được cơ chế giám sát tối cao một cách thực tế đối với hoạt động của Nhà nước, cần tổ chức nghiên cứu để tiến tới thành lập một cơ quan bảo hiến, đảm bảo địa vị tối cao, thiêng liêng, bất khả xâm phạm của Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân của nước ta.

Nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là sau khi Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đang tiến hành đàm phán Hiệp định Thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP), đang đòi hỏi chúng ta phải đẩy mạnh việc đổi mới cũng như phải rà soát, sửa đổi toàn bộ công tác lập pháp.

b) Xây dựng một Chính phủ gọn về tổ chức, rõ về chức năng, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động theo hai nhóm cơ bản sau đây:

- Nghiên cứu chính sách thể chế;
- Điều hành mang tính chất hành chính công quyền.

Cụ thể Chính phủ cần thực hiện bốn nhóm quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thống nhất bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương đến cơ sở, đảm bảo cho toàn bộ hệ thống này hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, đủ mạnh để hoàn thiện các chức năng của quyền hành pháp.

- Bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trong đời sống nhà nước và đời sống xã hội.

- Thống nhất quản lý hành chính nhà nước về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội và đối ngoại. Thực hiện chính sách xã hội, trong đó cần quan tâm đến chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo.

- Thi hành những biện pháp hữu hiệu bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bảo vệ tài sản, lợi ích của Nhà nước, xã hội và bảo vệ môi trường.

c) Đổi mới các cơ quan tư pháp và thủ tục tư pháp theo các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền XHCN.

Trọng tâm của cải cách tư pháp chính là cải cách tổ chức và hoạt động của Tòa án với quan điểm Tòa án là trung tâm của hệ thống tư pháp và sự độc lập của Tòa án trong việc xét xử là điều kiện cơ bản bảo đảm cho Tòa án thực hiện vai trò của mình là cơ quan bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người.

Cần nghiên cứu tổ chức lại Viện Kiểm sát thành Viện Công tố; xác định lại vị trí phạm vi thẩm quyền của các cơ quan điều tra. Cơ cấu lại tổ chức và quản lý việc thi hành án; nghiên cứu khả năng xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ tư pháp, như: luật sư, công chứng, giám định tư pháp...

Đổi mới mạnh mẽ thủ tục pháp luật về hoạt động tư pháp trong tất cả các lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính... theo hướng chuyển các hoạt động xét xử của Tòa án sang chế độ tranh tụng để thật sự bảo đảm quyền bình đẳng của các bên trong quá trình tranh tụng tại Tòa án.

d) Đổi mới chính quyền địa phương đáp ứng các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền XHCN.

Mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương các cấp bảo đảm sự thống nhất không gian kinh tế và không gian pháp lý. Quyền tự chủ của chính quyền địa phương phải đặt trong sự quản lý của Trung ương về thể chế và chính sách vĩ mô. Mỗi cấp chính quyền là bộ phận cấu thành của hệ thống hành chính nhà nước thống nhất. Do đó, không thể coi việc đảm bảo quyền tự chủ của chính quyền địa phương như là sự thoát ly, tách rời khỏi nhà nước trung ương và không thể làm phát sinh tình trạng cát cứ cục bộ địa phương, không để tạo ra sự đối lập lợi ích giữa địa phương và Trung ương.

Đổi mới, cải cách tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương phải gắn liền với việc đổi mới tổ chức và hoạt động của tổ chức Đảng ở các cấp địa phương.

e) Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ, công chức của nước ta đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng. Bên cạnh những mặt trưởng thành, đội ngũ cán bộ công chức còn nhiều mặt yếu kém, còn thiếu tính chuyên nghiệp.

Đội ngũ cán bộ, công chức luôn luôn giữ vai trò quan trọng trong việc thực thi pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với toàn bộ xã hội. Do vậy, nhiệm vụ hiện nay cần quan tâm trước hết là xây dựng và áp dụng chức danh, tiêu chuẩn của các loại cán bộ công chức trong bộ máy hành chính, các tổ chức sự nghiệp. Tiến hành phân cấp quản lý biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp nhà nước và thực hiện cơ chế quản lý mới đối với biên chế sự nghiệp, thực hiện cơ chế hợp đồng đối với biên chế sự nghiệp để tạo quyền tự chủ về nguồn nhân lực và thay đổi cơ cấu công chức, viên chức cho các đơn vị sự nghiệp. Đổi mới công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, chuyển từ phương thức xét tuyển sang phương thức thi tuyển để lấy người có trình độ vào làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời chú ý đến các vùng sâu, vùng xa □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Duy Quý - Nguyễn Tất Viễn (đồng chủ biên, 2007), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân - lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.